

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các xã, phường trên môi trường điện tử**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;*

*Căn cứ Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Tổ công tác liên ngành và Bộ phận giúp việc về phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Tổ công tác liên ngành (Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ) tại Tờ trình số 260/TTr-SKHCCN ngày 25/12/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các xã, phường trên môi trường điện tử và danh mục cơ sở dữ liệu (CSDL) của Bộ chỉ số, với những nội dung như sau:

*(Có Phụ lục Bộ chỉ số kèm theo)*

## **Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.**

### 1. Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Định kỳ thực hiện báo cáo, cập nhật các chỉ số của Bộ chỉ số theo quy định.
- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các phòng ban, đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức, viên chức có liên quan thực hiện cập nhật, báo cáo đầy đủ, chính xác, kịp thời các chỉ số theo đúng quy định tại Quyết định này và theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn cấp trên.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của các sở, ban, ngành chủ trì, thực hiện thu thập, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và báo cáo các chỉ số thuộc phạm vi quản lý bảo đảm đúng quy định, đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn.
- Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi bộ chỉ số cho phù hợp với tình hình công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

### 2. Sở Khoa học và Công nghệ.

- Nghiên cứu, xây dựng, tổ chức vận hành các cơ sở dữ liệu phục vụ Bộ chỉ số; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu bảo đảm yêu cầu “*đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ, thống nhất*” hướng tới cung cấp dữ liệu Bộ chỉ số theo thời gian thực.
- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này; định kỳ sơ kết, tổng kết, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung Bộ chỉ số và danh mục cơ sở dữ liệu kèm theo cho phù hợp với yêu cầu chỉ đạo, điều hành trong từng giai đoạn.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các CV tham mưu trực tuyến;
- Lưu: VT, NC (Khánh).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Hạnh Phúc**

**PHỤ LỤC: BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA  
ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
<b>A</b>	<b>NHÓM CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH HÀNG NGÀY, HÀNG THÁNG</b>							
1	Cây hàng năm chủ yếu (Cây lúa; Cây ngô; Cây sắn; Cây khoai lang; Cây lạc; Rau các loại,...)	<i>Ha</i>	Diện tích trồng	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL cây hàng năm	Phòng Kinh tế	
			Diện tích cho thu hoạch					
		%	So với vụ trước					
		%	So với cùng kỳ năm trước					
		<i>Tấn</i>	<i>Sản lượng</i>					
		%	So với vụ trước					
	So với cùng kỳ năm trước							
2	Cây lâu năm chủ yếu (Cây chè; Cây ăn quả,...)	<i>Ha</i>	Diện tích trồng	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL cây hàng năm	Phòng Kinh tế	
			Diện tích trồng mới					
		%	So với cùng kỳ năm trước					
		<i>Tấn</i>	<i>Sản lượng</i>					
		%	So với vụ trước					
	So với cùng kỳ năm trước							
3	Chỉ số về rừng	<i>Ha</i>	Diện tích trồng mới trong kỳ báo cáo	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL về rừng	Phòng Kinh tế	
		<i>Ha</i>	Diện tích rừng khai thác trong kỳ					
		<i>Ha</i>	Tổng diện tích rừng					
		<i>M<sup>3</sup></i>	Sản lượng khai thác					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
4	Chỉ số về thủy sản	<i>Ha</i>	Diện tích nuôi trồng thủy sản mới trong kỳ báo cáo	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL về thủy sản	Thống kê cơ sở	Thống kê cơ sở
		<i>Ha</i>	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản					
		<i>M<sup>3</sup></i>	Nuôi trồng thủy sản lồng/bè					
		<i>Tấn</i>	Sản lượng thủy sản khai thác tự nhiên					
		<i>Tấn</i>	Sản lượng nuôi trồng					
		<i>Tấn</i>	Tổng sản lượng thủy sản					
		<i>Tấn</i>	Lũy kế tổng sản lượng thủy sản					
5	Sản phẩm OCOP	<i>Sản phẩm</i>	Số sản phẩm OCOP được công nhận mới trong kỳ báo cáo	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL OCOP	Phòng Kinh tế	
			Tổng số sản phẩm đã được công nhận					
		<i>Triệu đồng</i>	Tổng doanh thu					
6	Chỉ số về thu ngân sách	<i>Tỷ đồng</i>	Số thu trong ngày	Phòng Kinh tế	Tuần/ tháng	CSDL thu ngân sách nhà nước	Phòng Kinh tế	Thuế cơ sở
		<i>Tỷ đồng</i>	Lũy kế đến kỳ báo cáo					
		%	So sánh với dự toán					
		%	So sánh cùng kỳ năm trước					
		%	So với kịch bản thu					
		<i>Tỷ đồng</i>	Chia theo nguồn thu (Hải quan; nội địa; thu cân đối; thu đóng góp CSHT...)					
7	Chỉ số về chi ngân sách	<i>Tỷ đồng</i>	Số chi trong ngày	Phòng Kinh tế	Tuần/ tháng	CSDL chi ngân	Phòng Kinh tế	Kho bạc khu vực
		<i>Tỷ đồng</i>	Lũy kế đến kỳ báo cáo					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		<i>Tỷ đồng</i>	Các khoản chi chủ yếu (tổng chi ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi trả nợ lãi, ...)			sách nhà nước		
8	Chỉ số về giải ngân vốn đầu tư công	<i>Tỷ đồng</i>	Số giải ngân trong kỳ báo cáo	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL dự án đầu tư	Phòng Kinh tế	
			Lũy kế đến thời điểm báo cáo					
		<i>%</i>	So sánh với kế hoạch					
9	Chỉ số về giải ngân các chương trình mục tiêu quốc gia	<i>Tỷ đồng</i>	Số giải ngân trong kỳ báo cáo	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL dự án đầu tư	Phòng Kinh tế	
			Lũy kế đến thời điểm báo cáo					
		<i>%</i>	So sánh với kế hoạch					
10	Chỉ số về môi trường	<i>%</i>	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL môi trường	Phòng Kinh tế	
			Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn					
		<i>Tấn</i>	Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )					
			Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý trên địa bàn ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )					
		<i>Hộ</i>	Tổng số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn ( <i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i> )					
11	Đầu đàn vật nuôi (đàn trâu; đàn bò; đàn lợn)	<i>Con</i>	Tổng đàn vật nuôi	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL đàn vật nuôi	Phòng Kinh tế	Thống kê cơ sở
		<i>%</i>	So với tháng trước					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		%	So với cùng kỳ năm trước					
		Tấn	Lũy kế sản lượng thịt hơi					
12	Đầu đàn gia cầm (đàn gà; vịt; ngan ...)	Nghìn Con	Tổng đàn vật nuôi	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL đàn vật nuôi	Phòng Kinh tế	Thống kê cơ sở
		%	So với tháng trước					
		%	So với cùng kỳ năm trước					
		Tấn	Lũy kế sản lượng thịt hơi					
13	Đầu đàn vật nuôi khác (Đàn ngựa, đàn dê, đàn hươu, ...)	Con	Tổng đàn vật nuôi	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL đàn vật nuôi	Phòng Kinh tế	Thống kê cơ sở
		%	So với tháng trước					
		%	So với cùng kỳ năm trước					
		Tấn	Lũy kế sản lượng thịt hơi					
14	Chỉ số về doanh nghiệp	Doanh nghiệp	Số DN thành lập mới	Phòng Kinh tế	Ngày/ tháng	CSDL doanh nghiệp	Phòng Kinh tế	Kết nối với CSDL Doanh nghiệp của Bộ Tài chính
		Tỷ đồng	Tổng vốn đăng ký của DN thành lập mới					
		Doanh nghiệp	Số DN tạm ngừng hoạt động					
			Số DN giải thể					
			Lũy kế số DN giải thể, tạm ngừng hoạt động đến thời điểm báo cáo					
15	Chỉ số về hợp tác xã	HTX	Số HTX thành lập mới	Phòng Kinh tế	Ngày/ tháng	CSDL HTX	Phòng Kinh tế	
			Số HTX ngừng hoạt động					
			Số HTX giải thể					
16	Chỉ số về Hộ kinh doanh	HKD	Số HKD thành lập mới					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
			Số HKD dừng hoạt động	Phòng Kinh tế	Ngày/ tháng	CSDL HKD	Phòng Kinh tế	
			Số HKD giải thể					
17	Chỉ số về khách du lịch	<i>Lượt</i>	Số lượt khách du lịch nội địa	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ năm	CSDL khách du lịch	Phòng Văn hóa - Xã hội	
		<i>Lượt</i>	Số lượt khách du lịch quốc tế					
		<i>VNĐ</i>	Doanh thu từ hoạt động du lịch					
18	Chỉ số theo dõi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo	<i>Đơn</i>	Số cuộc tiếp công dân trong kỳ báo cáo	Văn phòng HĐND, UBND xã, phường	Tháng	CSDL giải quyết khiếu nại, tố cáo	Văn phòng HĐND, UBND xã, phường	
			Số đơn tiếp nhận trong kỳ báo cáo					
			Lũy kế đến thời điểm báo cáo					
			Số lượng đã giải quyết					
			Số lượng chưa giải quyết					
19	Kiểm tra tình hình sử dụng đất, khai thác khoáng sản, thủy sản	<i>Đợt</i>	Tổng số đợt kiểm tra	Phòng kinh tế	Tháng	CSDL kiểm tra	Phòng kinh tế	
		<i>Người sử dụng đất/Cơ sở</i>	Số người sử dụng đất, cơ sở được kiểm tra					
		<i>Xử lý</i>	Số bị trường hợp xử lý vi phạm hành chính					
			Số bị trường hợp xử lý vi phạm hình sự					
		<i>Triệu đồng</i>	Số tiền bị xử phạt vi phạm hành chính (nếu xử phạt vi phạm hành chính)					
20	Chỉ số về thực hiện giải quyết thủ tục hành chính	<i>Hồ sơ</i>	Số hồ sơ được tiếp nhận	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	Ngày/ tháng	CSDL giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	
		<i>%</i>	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến					
		<i>Hồ sơ</i>	Lũy kế hồ sơ tiếp nhận đến thời điểm báo cáo					
		<i>%</i>	Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đến thời điểm báo cáo					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		%	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn đến thời hạn báo cáo					
		<i>Hồ sơ</i>	Số hồ sơ quá hạn chưa được giải quyết đến thời điểm báo cáo					
		%	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia					
		%	Tỷ lệ DVC toàn trình					
		<i>Người</i>	Số tiếp người dân hướng dẫn làm thủ tục hồ sơ được tiếp nhận đảm bảo để xử lý					
21	Chỉ số công khai, minh bạch trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính	%	Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn Tỷ lệ thủ tục hành chính được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	Ngày/ tháng	CSDL giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	
22	Chỉ số tiến độ, kết quả giải quyết trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính	%	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	Ngày/ tháng	CSDL giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	
		<i>ngày</i>	Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC					
23	Chỉ số cung cấp dịch vụ trực tuyến trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính	%	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	Ngày/ tháng	CSDL giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
			Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến					
24	Chỉ số số hóa hồ sơ trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính	%	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	Ngày/ tháng	CSDL giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	
25	Chỉ số mức độ hài lòng trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính		Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại ((1) Kiến nghị về những vướng mắc, bất cập về quy định hành chính; (2) Phản ánh về hành vi của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện.)	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	Ngày/ tháng	CSDL giải quyết TTHC	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
			Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC					
26	Chỉ số về số vụ cháy, nổ	<i>Vụ</i> <i>Người</i> <i>Triệu đồng</i>	Số vụ trong thời điểm báo cáo Lũy kế số vụ đến thời điểm báo cáo Số người bị thương trong thời điểm báo cáo Lũy kế số người bị thương đến thời điểm báo cáo Số người chết trong thời điểm báo cáo Lũy kế số người chết đến thời điểm báo cáo Thiệt hại trong thời điểm báo cáo Lũy kế thiệt hại đến thời điểm báo cáo	Công an xã, phường	Tháng	CSDL phòng cháy chữa cháy	Công an xã, phường	
27	Chỉ số về số vụ tai nạn giao thông	<i>Vụ</i> <i>Người</i> <i>Người</i> <i>Người</i>	Số vụ trong thời điểm báo cáo Lũy kế số vụ đến thời điểm báo cáo Số người bị thương trong thời điểm báo cáo Lũy kế số người bị thương đến thời điểm báo cáo Số người chết trong thời điểm báo cáo Lũy kế số người chết đến thời điểm báo cáo	Công an xã, phường	Tháng	CSDL phòng cháy chữa cháy	Công an xã, phường	
28	Chỉ số về an ninh trật tự	<i>Vụ</i> <i>%</i>	Số vụ việc an ninh trật tự phát sinh Tỷ lệ vụ việc đã xử lý vi phạm hành chính	Công an xã, phường	Tháng	CSDL ANTT	Công an xã, phường	
29	Chỉ số về sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	<i>m<sup>3</sup></i> <i>Tấn</i> <i>Sản phẩm</i>	Đá xây dựng các loại Khai thác quặng các loại Sản phẩm may mặc	Phòng Kinh tế	Tháng	CSDL sản xuất công nghiệp	Phòng Kinh tế	

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		<i>Tấn</i>	Xi măng					
		<i>Tấn</i>	Quế và các sản phẩm từ quế					
		<i>Tấn</i>	Sản phẩm thủy sản (tôm, cua, cá ..)					
		<i>kwh</i>	Sản xuất điện					
30	Chỉ số kết quả xử lý văn bản	<i>Văn bản</i>	Số lượng văn bản đến trong ngày Số văn bản đi đã phát hành.	VP HĐND, UBND xã, phường	Ngày/ tháng	CSDL quản lý văn bản	VP HĐND, UBND xã, phường	
		<i>%</i>	Tỷ lệ xử lý văn bản đến đúng hạn. Tỷ lệ văn bản đi được ký số.					
31	Chỉ số về kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND xã, phường giao	<i>nhiệm vụ</i>	Tổng số nhiệm vụ được giao trong tuần. Tổng số nhiệm vụ đang xử lý Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành quá hạn Tổng số nhiệm vụ quá hạn.	Văn phòng HĐND, UBND xã, phường	Tuần/ tháng	CSDL quản lý văn bản	Văn phòng HĐND, UBND xã, phường	
<b>B</b>	<b>NHÓM CHỈ SỐ THEO DÕI NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH HÀNG QUÝ, NĂM</b>							
1	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn	<i>%</i>	Nông, lâm nghiệp, thủy sản Công nghiệp - Xây dựng Dịch vụ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	Phòng Kinh tế	Năm		Phòng Kinh tế	Thống kê tỉnh
2	Chỉ số về thôn công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	<i>thôn</i>	Số thôn đạt chuẩn nông thôn mới đến thời điểm báo cáo	Phòng Kinh tế	Năm	CSDL thôn đạt chuẩn	Phòng Kinh tế	
		<i>%</i>	Tỷ lệ thôn đạt chuẩn nông thôn mới					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		<i>thôn</i>	Số thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu			nông thôn mới		
		<i>%</i>	Tỷ lệ thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu					
3	Chỉ số về thu hút đầu tư	<i>Dự án</i>	Số dự án được thu hút có quyết định đầu tư	Phòng Kinh tế	Quý/ Năm	CSDL dự án đầu tư	Phòng Kinh tế	Phối hợp sở Tài chính
		<i>Tỷ đồng</i>	Số vốn đăng ký					
		<i>Tỷ đồng</i>	Lũy kế đến thời điểm báo cáo					
4	Khai thác khoáng sản chia theo từng loại khoáng sản (apatit; vàng; đá các loại ...)	<i>Tấn</i>	Sản lượng khai thác khoáng sản trong kỳ báo cáo	Phòng Kinh tế	Quý/ năm	CSDL khai thác khoáng sản	Phòng Kinh tế	Phối hợp Sở Công thương thực hiện
			Lũy kế khai thác đến kỳ báo cáo					
		<i>%</i>	So sánh với kế hoạch					
		<i>Tỷ đồng</i>	Tổng doanh thu đến thời điểm báo cáo					
		<i>Triệu USD</i>	Xuất khẩu hàng hóa					
5	Hộ nghèo, cận nghèo	<i>Hộ</i>	Số hộ nghèo biến động trong kỳ báo cáo	Phòng Kinh tế	Năm	CSDL hộ nghèo	Phòng Kinh tế	
		<i>Hộ</i>	Lũy kế số hộ nghèo đến kỳ báo cáo					
		<i>%</i>	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn đa chiều) trong kỳ báo cáo					
		<i>%</i>	Tỷ lệ hộ nghèo so với cùng kỳ					
6	Chỉ số về Bảo hiểm	<i>%</i>	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế		Quý			

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		%	Tỷ lệ lao động tham gia BHTN trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động	Phòng Văn hóa - Xã hội		CSDL bảo hiểm xã hội	Phòng Văn hóa - Xã hội	
		%	Tỷ lệ lao động tham gia BHXH trên lực lượng lao động trong độ tuổi lao động					
		Người	Số người hưởng BHXH, BHYT, BHTN					
7	Chỉ số về khu công nghiệp	Km <sup>2</sup>	Tổng diện tích quy hoạch KCN	Phòng Kinh tế	Quý/ Năm	CSDL khu Công nghiệp	Phòng Kinh tế	Ban QL các Khu CN
		Km <sup>2</sup>	Diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê					
		Km <sup>2</sup>	Diện tích đất đã cho thuê					
		%	Tỷ lệ lấp đầy KCN					
		Tỷ đồng	Thu ngân sách từ KCN					
		Người	Tổng số lao động					
		Triệu đồng	Thu nhập bình quân người lao động					
		%	Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt chuẩn					
8	Chỉ số về cụm công nghiệp	Km <sup>2</sup>	Tổng diện tích quy hoạch khu kinh tế	Phòng Kinh tế	Quý/ Năm	CSDL cụm công nghiệp	Phòng Kinh tế	
		Km <sup>2</sup>	Diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê					
		Km <sup>2</sup>	Diện tích đất đã cho thuê					
		%	Tỷ lệ lấp đầy khu kinh tế					
		Tỷ đồng	Thu ngân sách từ khu kinh tế					
		Người	Tổng số lao động					
		Triệu đồng	Thu nhập bình quân người lao động					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		%	Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt chuẩn					
9	Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ Năm	CSDL Y tế	Phòng Văn hóa - Xã hội	
10	Người dân được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	Tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ Năm	CSDL Y tế	Phòng Văn hóa - Xã hội	
11	Chỉ số về bảo trợ xã hội	Người	Số người được trợ cấp xã hội hàng kỳ báo cáo	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ Năm	CSDL bảo trợ xã hội	Phòng Văn hóa - Xã hội	
			Số người/hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng quý					
			Số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận					
12	Chỉ số về công chức, viên chức	Người	Tổng số công chức	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ năm	CDSL CCVC	Phòng Văn hóa - Xã hội	Kết nối CSDL CCVC
			Tổng số viên chức					
			Biên chế được giao					
			Biên chế thực hiện					
13	Chỉ số lao động được tạo việc làm mới	Người	Số lao động được tạo việc làm mới	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ năm	CSDL việc làm	Phòng Văn hóa - Xã hội	
			Lũy kế đến thời điểm báo cáo					
		%	Tỷ lệ lao động qua đào tạo					
14	Giáo dục và đào tạo	Giáo dục mầm non		Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ Năm	CSDL giáo dục	Phòng Văn hóa - Xã hội	
		Trường	Tổng số trường học					
		Lớp	Tổng số lớp học					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		<i>Người</i>	Tổng số giáo viên					
		<i>Người</i>	Tổng số học sinh					
		<i>Trường</i>	Số trường đạt chuẩn quốc gia					
		<i>%</i>	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia					
		<i>Giáo dục tiểu học</i>						
		<i>Trường</i>	Tổng số trường học					
		<i>Lớp</i>	Tổng số lớp học					
		<i>Người</i>	Tổng số giáo viên					
		<i>Người</i>	Tổng số học sinh					
		<i>Trường</i>	Số trường đạt chuẩn quốc gia					
		<i>%</i>	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia					
		<i>Giáo dục THCS</i>						
		<i>Trường</i>	Tổng số trường học					
		<i>Lớp</i>	Tổng số lớp học					
		<i>Người</i>	Tổng số giáo viên					
		<i>Người</i>	Tổng số học sinh					
		<i>Trường</i>	Số trường đạt chuẩn quốc gia					
		<i>%</i>	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia					
		<i>Giáo dục THPT</i>						
		<i>Trường</i>	Tổng số trường học					
		<i>Lớp</i>	Tổng số lớp học					
		<i>Người</i>	Tổng số giáo viên					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		<i>Người</i>	Tổng số học sinh					
		<i>Trường</i>	Số trường đạt chuẩn quốc gia					
		<i>%</i>	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia					
		<i>Giáo dục thường xuyên</i>						
		<i>Trường</i>	Tổng số trường học					
		<i>Lớp</i>	Tổng số lớp học					
		<i>Người</i>	Tổng số giáo viên					
		<i>Người</i>	Tổng số học sinh					
		<i>Đào tạo nghề, trung cấp, cao đẳng</i>						
		<i>Trường</i>	Tổng số trường học					
		<i>Lớp</i>	Tổng số lớp học					
		<i>Người</i>	Tổng số giáo viên					
		<i>Người</i>	Tổng số học sinh					
15	Tỷ lệ che phủ rừng	<i>%</i>	Tỷ lệ che phủ rừng	Phòng Kinh tế	Quý/ Năm	CSDL rừng	Phòng Kinh tế	Kiểm lâm khu vực
		<i>ha</i>	Diện tích rừng đặc dụng					
			Diện tích rừng phòng hộ					
			Diện tích rừng sản xuất					
<i>%</i>	Tỷ lệ che phủ rừng so với cùng kỳ							
16	Ngộ độc thực phẩm	<i>Vụ</i>	Số vụ ngộ độc trong kỳ báo cáo	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ Năm	CSDL ngộ độc thực phẩm	Phòng Văn hóa - Xã hội	
		<i>Người</i>	Số lượng nạn nhân bị ngộ độc trong kỳ báo cáo					
		<i>Người</i>	Số lượng người tử vong					
17	Chỉ số DTI	<i>Điểm</i>	Điểm DTI năm báo cáo		Năm	CSDL DTI		

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		%	So với năm trước	Phòng Văn hóa - Xã hội			Phòng Văn hóa - Xã hội	
18	Chỉ số cải cách hành chính	Điểm	Điểm Chỉ số CCHC năm báo cáo	Phòng Văn hóa - Xã hội	Năm	CSDL CCHC	Phòng Văn hóa - Xã hội	
		%	So với năm trước (tăng/giảm)					
19	Chỉ số về tuyển quân nghĩa vụ	Người	Tuyển quân ngành quân đội	BCHQS	Năm	CSDL tuyển quân	BCHQS	
			Tuyển quân ngành công an	Công an xã			Công an xã	
20	Chỉ số về lĩnh vực tôn giáo	Cơ sở	Số lượng cơ sở tôn giáo trên địa bàn (chùa, nhà thờ, đền, nhà nguyện, tự viện...)	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ Năm	CSDL tôn giáo	Phòng Văn hóa - Xã hội	
			Số cơ sở tôn giáo được cấp giấy chứng nhận đất/đăng ký hoạt động					
		Người	Số chức sắc, chức việc, nhà tu hành trên địa bàn.					
			Số người được phong chức, bổ nhiệm mới trong kỳ.					
21	Chỉ số về lĩnh vực tư pháp	Người	Số người cấp giấy khai sinh	Văn phòng HĐND, UBND xã, phường	Quý/ Năm	CSDL tư pháp	Văn phòng HĐND, UBND xã, phường	
			Số người cấp giấy khai tử					
			Số người cấp giấy chứng nhận kết hôn					
		Buổi	Số lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật					
		Vụ	Số vụ hòa giải tại cơ sở (tổng số vụ hóa giải; số vụ việc chưa giải quyết xong; hòa giải thành; hòa giải không thành)					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
22	Công dân số	%	Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh	Phòng Văn hóa - Xã hội	Quý/ Năm		Phòng Văn hóa - Xã hội	
			Tỷ lệ người dân sử dụng internet (4G, 5G, cáp quang, ...)					
			Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thanh toán trực tuyến	Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường			Trung tâm phục vụ HCC cấp xã, phường	
23	Chỉ số hạnh phúc người dân	%	Chỉ số hạnh phúc người dân	Phòng Văn hóa - Xã hội	Năm	CSDL hạnh phúc người dân	Phòng Văn hóa - Xã hội	Thống kê tỉnh
24	Chỉ số nước sạch	%	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	Phòng Kinh tế	Quý/ Năm	CSDL nước	Phòng Kinh tế	
<b>C</b>	<b>NHÓM CHỈ SỐ PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRONG CÁC TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP NHU THIÊN TAI, DỊCH BỆNH, ỨNG PHÓ VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN</b>							
1	Thông tin về khí tượng thủy văn		Số liệu quan trắc khí tượng thủy văn (Bão, gió, lượng mưa ...)	Phòng Kinh tế	Giờ/ Ngày	CSDL giảm nghèo	Phòng Kinh tế	Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường
		<i>Bản tin</i>	Bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn tại khu vực xảy ra thiên tai, dịch bệnh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn					
2	Thông tin về dân sinh – kinh tế khi gặp thiên tai	<i>Số dân</i>	Dân cư (bị chết; thương; sơ tán ..)	Phòng Kinh tế	Giờ/ Ngày	CSDL dân sinh – kinh tế	Phòng Kinh tế	Phối hợp Công an Xã; ban
		<i>Nhà</i>	Nhà ở (hư hỏng, tốc mái, thiêu rụi..)					

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		$M^2$	Diện tích đất trồng trọt bị ảnh hưởng			khi gặp thiên tai		Chỉ huy QS xã; Thôn
		<i>Con</i>	Số con gia súc, gia cầm bị ảnh hưởng					
		$m^2$	Diện tích nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng					
3	Các thông tin dữ liệu về giao thông vận tải	<i>Điểm</i>	Số điểm có nguy cơ sạt lở, úng ngập, bao gồm tọa độ, chiều dài, phương án xử lý...	Phòng Kinh tế	Giờ/ Ngày	CSSL thông tin về GTVT	Phòng Kinh tế	
		<i>M</i>	Số lượng đường giao thông bị ảnh hưởng					
		<i>M</i>	Số lượng đê bị ảnh hưởng					
4	Dịch bệnh nhóm A, B theo Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm	<i>Điểm</i>	Số điểm diễn ra dịch bệnh	Phòng Văn hóa - Xã hội	Giờ/ Ngày	CSDL dịch bệnh	Phòng Văn hóa - Xã hội	
		<i>Người</i>	Số người mắc bệnh					
	Số người tử vong do dịch bệnh							
	Số người có nguy cơ mắc bệnh							
5	Chỉ số về dịch bệnh động vật	<i>Ổ</i>	Số ổ dịch phát sinh trong kỳ (theo từng bệnh: DTLCP, LMLM, Cúm gia cầm, Tai xanh, Viêm da nổi cục...).	Phòng Kinh tế	Giờ/ Ngày	CSDL dịch bệnh động vật	Phòng Kinh tế	
		<i>Thôn</i>	Số thôn có ổ dịch.					
		<i>Con</i>	Số lượng gia súc, gia cầm mắc bệnh.					
		<i>Con</i>	Số lượng gia súc, gia cầm chết/tiêu hủy do dịch					
6	Nhóm Chỉ số liên quan đến 04 tại chỗ	<i>Người</i>	Con người (bao gồm lực lượng dân quân tự vệ, công an, đoàn viên thanh niên, lực lượng xung kích tại cơ sở,...)	Phòng kinh tế	Tháng		Phòng kinh tế	

STT	Tên chỉ số	Đơn vị	Thông tin, dữ liệu	Đầu mối báo cáo	Tần suất báo cáo	Danh mục CSDL	Cơ quan chủ quản CSDL	Nguồn dữ liệu
		<i>Cơ sở</i>	Cơ sở vật chất, trang thiết bị (ô tô các loại, thuyền tôn, xuồng máy, áo phao...)					
		<i>Địa điểm</i>	Địa điểm có thể sử dụng làm nơi tránh trú bão khi xảy ra thiên tai (trường học, nhà văn hóa...)					
<b>D</b>	<b>NHÓM CHỈ SỐ THEO DÕI VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH GIAO</b>							
1	Nhóm chỉ số theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh giao	<i>Số nhiệm vụ</i>	Tổng số nhiệm vụ được giao	Văn phòng HĐND, UBND xã, phường	Tháng	CSDL nhiệm vụ Chính phủ	Văn phòng HĐND, UBND xã, phường	
			Số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn					
			Số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn					
			Số nhiệm vụ chưa hoàn thành quá hạn					
			Số nhiệm vụ đang triển khai					
		<i>%</i>	Tỷ lệ hoàn thành quá hạn					
			Tỷ lệ hoàn thành đúng hạn					
			Tỷ lệ chưa hoàn thành quá hạn					